TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tịnh Thới.

2. Ông Hồ Phi Công.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:* Không tham gia.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện S, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Cao Văn B**, sinh năm 1992 (*vắng mặt*).

Nơi thường trú: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã X, huyện S, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Cao Văn B sống chung và đăng ký kết hôn năm 2017, tại xã Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Cao Văn B hay ăn nhậu, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cãi

nhau, khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị không còn sống chung cách đây 02 năm. Từ đó vợ chồng cũng không quan tâm, lo lắng cho nhau. Nhận thấy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau và không còn tình cảm yêu thương nhau, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Cao Văn B.

Về con chung: Chị và anh Cao Văn B có 02 người con chung là cháu Cao Văn T sinh ngày 07/6/2016 và cháu Cao Văn C sinh ngày 07/6/2016. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung, không yêu cầu anh Cao Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Cao Văn B trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị H về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, diễn biến cuộc hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị Nguyễn Thị H. Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Trường hợp phải ly hôn thì:

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 người con chung là cháu Cao Văn T sinh ngày 07/6/2016 và cháu Cao Văn C sinh ngày 07/6/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Cao Văn B và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*; anh Cao Văn B đang sinh sống tại ấp 3, xã X, huyện S, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn B cung cấp tài liệu chứng cứ là các bản tự khai, nội dung bản tự khai thể hiện đầy đủ, thống nhất và không có mâu thuẫn với nhau nên Tòa án không tiến hành thu thập chứng

cứ, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2015, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tình trạng vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn B đã trầm trọng vì anh chị không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau mà bỏ mặc nhau, cho dù anh Cao Văn B không đồng ý ly hôn, nhưng Tòa án triệu tập hòa giải anh chị đều xin vắng mặt. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, cho thấy đời sống chung không thể kéo dài; tình nghĩa vợ chồng không còn, không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển nên mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Mai Văn đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ cho ly hôn theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn B 02 người con chung là cháu Cao Văn T sinh ngày 07/6/2016 và cháu Cao Văn C sinh ngày 07/6/2016. Anh Cao Văn B đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có nguyện vọng sống cùng chị Nguyễn Thị H. Do đó, giao 02 người con chung là cháu Cao Văn T sinh ngày 07/6/2016 và cháu Cao Văn C sinh ngày 07/6/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Cao Văn B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn B không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Văn B khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Cao Văn B.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Cao Văn T sinh ngày 07/6/2016 và cháu Cao Văn C sinh ngày 07/6/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Cao Văn B cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Anh Cao Văn B được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0011086 ngày 14/5/2024 được tính trừ vào án phí. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Cao Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang